TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2024/HC-PT
Ngày: 28/3/2024
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Tiến**

Các Thẩm phán: ông **Phạm Văn Hợp**

ông **Phùng Anh Dũng**

Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Thế Vinh**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 349/2023/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 152/2023/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 392/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số A N, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H;

2. Ủy ban nhân dân thành phố H;

Cùng địa chỉ: Số I T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố H: ông Nguyễn Minh L - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố H. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố H*:*

+ Ông Nguyễn Văn Thành N - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà Trần Thị H - Công chức Địa chính - Xây dựng phường T, thành phố H. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Trần Duy K - Công chức Địa chính - Xây dựng phường T, thành phố H. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Thúy H1, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số A N, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1966; địa chỉ: Số A N, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Nguyễn Thành Đ ***trình bày:***

Năm 1986 vợ chồng ông có khai hoang tạo lập diện tích 1139m^2 để làm nhà ở và lập vườn. Ngày 11/02/1993 sau nhiều lần xin giao đất, UBND thị xã H ban hành Quyết định số 110/QĐ-UB cấp cho vợ chồng ông 200m^2, loại đất ở tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 5/16, phần diện tích còn lại 939m^2 chưa được cấp GCNQSĐ. Ngày 28/6/1996 Hội đồng giao đất xã C họp lập biên bản đề nghị giao toàn bộ phần diện tích còn lại nêu trên cho gia đình ông theo hồ sơ Nghị định 64/CP của Chính phủ. Tuy nhiên, sau nhiều năm vẫn không được giải quyết.

Năm 1995, UBND thị xã H có chủ trương về việc lập quy hoạch KDC Bắc tỉnh lộ 607 để bố trí các trường hợp bức xúc trên địa bàn thị xã. Ngày 23/9/2001, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 3190/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 16 hộ dân, trong đó có gia đình ông. Sau đó, gia đình ông và 06 người khác có đơn khiếu nại, kêu cứu nhiều cơ quan liên quan về việc thu hồi đất của gia đình. Ngày 10/5/2006, UBND tỉnh Q đã ban hành Quyết định số 1391/QĐ-UBND, theo đó, Quyết định này chỉ thu hồi đất đối với 09 hộ dân, loại ông và 06 trường hợp khác ra khỏi diện thu hồi. UBND thị xã H căn cứ vào đơn xin giao đất để xây dựng nhà ở của ông Lê Văn H2 lập ngày 31/3/1999 để ban hành Quyết định số 155/1999/QĐ-UB ngày 24/9/1999 về việc giao thửa đất số T.1357, tờ bản đồ số 4/11, diện tích 210m^2 cho ông Lê Văn H2, ngày 24/9/1999, ông H2 được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất trên. Trong phần diện tích đã được UBND thị xã H cấp cho ông H2 có phần diện tích 88,2m^2 mà ông có đơn khởi kiện. Việc UBND Thành phố lúc đó thu hồi đất của ông nhưng không lập thủ tục thu hồi bồi thường gây thiệt hại rất lớn cho gia đình ông. Xuyên suốt trong quá trình từ năm 1999 đến năm 2018 ông liên tục có đơn khiếu nại về việc thu hồi bồi thường đối với phần diện tích nói trên. Ngày 25/12/2018, UBND thành phố H ban hành Thông báo số 1268/TB-UBND về việc giải quyết trường hợp của ông Nguyễn Thành Đ. Không đồng ý với nội dung thông báo trên, ông

gửi đơn khiếu nại và được Chủ tịch UBND thành phố ban hành Thông báo số 261/TB-UBND ngày 11/4/2019, theo đó, Chủ tịch UBND thành phố không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông. Ông tiếp tục khiếu nại nội dung Thông báo trên, ngày 27/02/2020, ông nhận được Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 của Chủ tịch UBND thành phố về việc không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của ông.

Không đồng ý với nội dung Quyết định trên, ông tiếp tục có đơn khởi kiện đến Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Ngày 29/9/2021, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam có Bản án 81/2021/HC-ST, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông. Theo đó, Toà án đã nhận định việc không thực hiện việc đền bù theo quy định và ban hành Quyết định số 123 không giải quyết quyền lợi của ông Đ về 88,2m^2 đất thu hồi giao cho ông H2 là vi phạm pháp luật, gây thiệt hại cho ông Đ. Từ đó, toà đã huỷ Quyết định số 123/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố H.

Ngày 20/4/2023, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 376/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thành Đ (lần đầu), theo đó, một lần nữa, Chủ tịch UBND thành phố Hội An tiếp tục bác đơn khiếu nại của ông về việc UBND thành phố H thu hồi diện tích 88,2m^2 đất của hộ gia đình tại phường T, thành phố H nhưng không ban hành Quyết định thu hồi đất và bồi thường.

Nhận thấy, UBND thành phố H liên tục bác đơn của ông, không xem xét nội dung nhận định của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam để giải quyết khiếu nại ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Ngoài ra, ông nhận thấy, các trường hợp tương tự như ông đã được UBND thành phố H giải quyết bồi thường bằng việc cấp GCNQSDĐ tại vị trí khác như hộ bà Phan Thị D, ông Nguyễn Tấn S, ông Lương Văn G, ông Nguyễn Văn Q. Còn trường hợp của ông thì UBND thành phố không giải quyết là không đảm bảo công bằng, gây dư luận xấu trong xã hội.

Do đó, người khởi kiện ông Nguyễn Thành Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 376/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành Đ (lần đầu).

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định thu hồi đất và bồi thường cho hộ ông Nguyễn Thành Đ đối với diện tích 88,2m^2 gắn liền với thửa đất số 153, tờ bản đồ số 5/11 tại xã C, thành phố H (theo Quyết định số 110/QĐ- UB ngày 11/02/1993 của UBND thị xã H về thu hồi và cấp đất xây dựng nhà ở cho hộ gia đình ông Nguyễn Thành Đ và bà Phạm Thị Thúy H1, nay thuộc một phần thửa đất số T.1357, tờ bản đồ số 4/11, diện tích 210m^2, loại đất thổ cư do UBND thị xã H cấp ngày 24/9/1999 cho hộ ông Lê Văn H2) theo phương án bồi thường theo giá đất ở của thị trường tại thời điểm cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định bồi thường hoặc bố trí cho hộ gia đình ông

Nguyễn Thành Đ một lô đất có giá trị tương đương với diện tích đất 88,2m^2 (tại địa chỉ: đường N hoặc đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam).

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố H ***và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày tại phiên tòa:***

Qua kiểm tra nội dung Thông báo, ý kiến tham mưu của Thanh tra Thành phố tại Báo cáo số 94/BC-TTTP ngày 14/7/2023, nay, UBND Thành phố có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Đ như sau:

Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Bản án số 81/2021/HC-ST ngày 29/9/2021, theo đó tuyên xử: "Huỷ Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 06/02/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành Đ1 (lần đầu) theo nội dung của Bản án số 81/2021/HC-ST ngày 29/9/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam".

Ngày 01/6/2022, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 719/QĐ-UBND về việc huỷ Quyết định số 123 theo đúng nội dung Bản án; đồng thời, ban hành Thông báo số 515/TB-UBND ngày 10/10/2022 về việc thụ lý đơn khiếu nại ngày 11/02/2019 của ông Nguyễn Thành Đ (địa chỉ: số A đường N, thành phố H, tỉnh Quảng Nam).

Ngày 20/4/2023, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 376/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành Đ (lần đầu); theo đó: Không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Thành Đ về việc UBND thành phố H thu hồi diện tích 88,2m^2 đất của hộ gia đình ông tại phường T, thành phố H nhưng không ban hành Quyết định thu hồi đất và bồi thường cho hộ ông.

Nay, ông Nguyễn Thành Đ khởi kiện, yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam huỷ Quyết định 376 nêu trên và buộc UBND thành phố H ban hành Quyết định thu hồi đất và bồi thường cho hộ ông Nguyễn Thành Đ đối với phần diện tích 88,2m^2 gắn liền với thửa đất số 153, tờ bản đồ số 5/11, xã C theo phương án bồi thường theo giá đất ở của thị trường tại thời điểm cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định bồi thường, hoặc bố trí cho hộ gia đình ông Đ một lô đất có giá trị tương đương.

Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Đ là không có cơ sở xem xét, bởi lẽ:

Thứ nhất, ông Nguyễn Thành Đ căn cứ nội dung xác nhận của ông Nguyễn Viết M trong đơn khiếu nại (lập ngày 15/05/1997) của ông để cho rằng diện tích 88,2m^2 đất Nhà nước đã giao đất cho ông Lê Văn H2 nằm trong tổng diện tích 1.139m^2 của gia đình ông sử dụng từ năm 1997. Tuy nhiên, nội dung xác nhận này không phải là căn cứ để xác định vị trí, diện tích, thời điểm sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Do đó, không có cơ sở xác định ông Đ đã sử dụng hợp pháp diện tích này từ năm 1997. Bên cạnh đó, vào thời điểm UBND thị xã H ban hành Quyết định số 155/1999/QĐ-UB ngày 24/9/1999 về việc giao đất cho ông Lê Văn H2 để làm nhà ở, xác định thửa đất số 1357, tờ

bản đồ số 4/11, diện tích 210m^2 là loại đất cát hoang, do UBND xã C quản lý. Căn cứ quy định tại Điều 21 Luật Đất đai năm 1993: *"Việc quyết định giao đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được tiến hành sau khi có quyết định thu hồi đất đó"*, như vậy, tại thời điểm giao đất cho ông H2, diện tích 210m^2 được xác định là loại đất cát hoang do UBND xã C quản lý (không có nguồn gốc từ thu hồi của ông Đ) nên Nhà nước không ban hành Quyết định thu hồi đất là đảm bảo quy định.

Đồng thời, tại Quyết định số 4083/QĐ-UBND ngày 17/12/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về giải quyết khiếu nại (lần hai), đã có hiệu lực pháp luật không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Đ về việc yêu cầu Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông theo hiện trạng sử dụng là 1.156m^2 *(trong đó có diện tích 88,2m^2 đã giao cho ông* Lê Văn H2*).*

Thứ hai, ông Nguyễn Thành Đ căn cứ nội dung làm việc của đại diện UBND phường T với hộ ông vào ngày 13/6/2013 về kiểm tra, ghi nhận số cây cối ông trồng trên phần đất giao cho ông Lê Văn H2 để yêu cầu Nhà nước phải bồi thường, hỗ trợ số cây cối này cho ông. Tuy nhiên, Biên bản này không phải là biên bản kiểm kê tài sản để làm cơ sở bồi thường theo quy định của pháp luật. Việc ông Đ trồng cây trên phần đất của ông H2 là vụ việc dân sự, do đó không có cơ sở để yêu cầu Nhà nước phải bồi thường, hỗ trợ đối với số cây cối này.

Như vậy, không có cơ sở để xác định 88,2m^2 trong tổng số 210m^2 đất của ông Lê Văn H2 được Nhà nước giao là đất sử dụng hợp pháp của hộ ông Nguyễn Thành Đ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Đ là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Với nội dung vụ án như trên, Bản án hành chính sơ thẩm số 152/2023/HC-ST ngày 16/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã Quyết định:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, khoản 2 Điều 116, điểm a, b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính 2015; Khoản 1 Điều 75, khoản 1 Điều 79; khoản 2 Điều 80 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Thành Đ đối với các yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 376/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành Đ (lần đầu).

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ chi phí đầu tư phần diện tích 88,2m^2 đã giao cho ông Lê Văn H2 tương ứng với đơn giá 1.250.000 đồng/m^2 và hỗ trợ cây cối được UBND phường T kiểm kê vào năm 2013 theo quy định của pháp luật cho hộ ông Nguyễn Thành Đ.

[2] Bác một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Thành Đ đối với các yêu cầu:

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định bồi thường cho hộ ông Nguyễn Thành Đ đối với diện tích 88,2m^2 gắn liền với thửa đất số 153, tờ bản đồ số 5/11 tại xã C, thành phố H theo phương án bồi thường theo giá đất ở của thị trường tại thời điểm cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định bồi thường; hoặc bố trí cho hộ gia đình ông Nguyễn Thành Đ một lô đất có giá trị tương đương với diện tích đất 88,2m^2 (tại địa chỉ: đường N hoặc đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 16/9/2023, người khởi kiện - ông Nguyễn Thành Đ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Phạm Thị Thúy H1 kháng cáo (Người khởi kiện kháng cáo) đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện; ngày 04/01/2024, ông Nguyễn Thành Đ bổ sung nội dung kháng cáo đề nghị sửa Bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông.

Tại phiên tòa: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên và đề nghị sửa Bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện; Người bị kiện và Người bảo vệ quyền lợi cho N1 bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 152/2022/HC-ST ngày 16/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Phiên tòa phúc thẩm được triệu tập lần thứ hai, Người kháng cáo có mặt tại phiên tòa; Người bị kiện và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Xét kháng cáo của Người khởi kiện, ông Đ đề nghị sửa Bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của Người khởi kiện: Hủy Quyết định số 376/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành Đ; buộc Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định thu hồi đất và bồi thường cho hộ ông Nguyễn Thành Đ đối với diện tích 88,2m^2 gắn liền với thửa đất số 153,

tờ bản đồ số 5/11 tại xã C, thành phố H (theo Quyết định số 110/QĐ-UB ngày 11/02/1993 của UBND thị xã H về thu hồi và cấp đất xây dựng nhà ở cho hộ gia đình ông Nguyễn Thành Đ và bà Phạm Thị Thúy H1, nay thuộc một phần thửa đất số T.1357, tờ bản đồ số 4/11, diện tích 210m^2, loại đất thổ cư do UBND thị xã H cấp ngày 24/9/1999 cho hộ ông Lê Văn H2) theo phương án bồi thường theo giá đất ở của thị trường tại thời điểm cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định bồi thường hoặc bố trí cho hộ gia đình ông Nguyễn Thành Đ một lô đất có giá trị tương đương với diện tích đất 88,2m^2 thì thấy:

[2.1]. Ông Nguyễn Thành Đ cho rằng diện tích 88,2m^2 đất thuộc thửa đất số 153, tờ bản đồ số 5/11 tại xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam do Ông khai hoang và đã được Chủ nhiệm Hợp tác xã Nông nghiệp xã C và là Phó Chủ tịch Hội đồng giao đất của xã xác nhận là do Ông có cải tạo san lấp vườn với diện tích 1139m^2 (23,5 x 48,5) và đã ở trước khi cấp đất năm 1993, nhưng Ủy ban nhân dân thành phố H lại giao 88,2m^2 đất của Ông cho ông Lê Văn H2 nhưng không có Quyết định thu hồi và bồi thường là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông nên ông Đ khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố H. Ngày 06/02/2020, Chủ tịch UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 123/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành Đ (Quyết định số 123). Không đồng ý với Quyết định nêu trên nên ông Đ khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Quyết định số 123.

[2.2]. Tại Bản án số 81/2021/HC-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam nhận định: *"Thông báo 1268 đã ghi: Giao cho* UBND phường T *chủ trì, phối hợp với* Phòng T, Phòng T1 *tổ chức mời ông* Nguyễn Thành Đ *đến để thông tin hướng giải quyết của Chủ tịch* UBND thành phố H *về hỗ trợ phần diện tích 88,2m^2 đã thu hồi tương ứng với đơn giá 1.250.000 đồng/m^2 và hỗ trợ cây cối được* UBND phường T *kiểm kê vào năm 2013 theo quy định cho ông* Đ *và báo cáo kết quả về UBND thành phố trước ngày 31/12/2018 nhưng không thực hiện việc đền bù theo thông báo nói trên nên Quyết định giải quyết khiếu nại 123 không giải quyết quyền lợi của hộ ông* Đ *về 88,2m^2 đất thu hồi giao cho ông* H2 *là vi phạm pháp luật, gây thiệt hại cho hộ ông* Đ*"* để Huỷ Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 06/02/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành Đ. Bản án số 81/2021/HC-ST ngày 29/9/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam không có kháng cáo và không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên phải được thi hành và chấp hành theo quy định tại Điều 23 Luật tố tụng hành chính.

[2.3]. Để thi hành Bản án đã có hiệu lực pháp luật nêu trên, ngày 01/6/2022, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 719/QĐ-UBND về việc hủy Quyết định số 123 theo đúng nội dung Bản án; đồng thời, ban hành Thông báo số 515/TB-UBND ngày 10/10/2022 về việc thụ lý đơn khiếu nại ngày 11/02/2019 của ông Nguyễn Thành Đ. Ngày 20/4/2023, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 376/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành Đ nhưng không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Thành Đ về việc UBND thành phố H thu hồi diện tích 88,2m^2 đất của hộ gia đình Ông tại phường T, thành phố H nhưng không ban hành

Quyết định thu hồi đất và bồi thường cho hộ ông, là không đúng với nội dung nhận định của Bản án số 81/2021/HC-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã trích dẫn ở trên.

[3]. Quyết định số 376/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành Đ không đúng với nội dung nhận định của Bản án số 81/2021/HC-ST ngày 29/9/2021 nên Bản án sơ thẩm số 152/2022/HC-ST ngày 16/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã hủy một phần Quyết định số 376/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H và buộc Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ về chi phí đầu tư vào đất cho hộ ông Nguyễn Thành Đ đối với diện tích 88,2m^2 và xác định giá đất để quyết định bồi thường hỗ trợ theo giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Q quy định tại thời điểm ban hành Thông báo 268/TB-UBND của UBND thành phố H ngày 25/12/2018 trong đó có nội dung: *"*...Ủy ban nhân dân thành phố H *chỉ thống nhất hỗ trợ phần diện tích 88,2m^2 đã thu hồi trước đây tương ứng với đơn giá 1.250.000 đồng/m^2 (88,2m^2 x 1.250.000/m^2 = 110.250.000 đồng) theo Thông báo số 384/TB-UBND ngày 15/5/2017 của UBND Thành phố và hỗ trợ cây cối được* UBND phường T *kiểm kê vào năm 2013 theo quy định"* cho ông Nguyễn Thành Đ là đúng với nhận định tại Bản án số 81/2021/HC-ST ngày 29/9/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và cũng đúng với quy định tại Điều 23 Luật tố tụng hành chính.

[4]. Sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Người khởi kiện kháng cáo yêu cầu sửa Bản án hành chính sơ thẩm, buộc Ủy ban nhân dân thành phố H phải bồi thường theo giá đất ở của thị trường tại thời điểm cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định bồi thường hoặc bố trí cho hộ gia đình ông Nguyễn Thành Đ một lô đất có giá trị tương đương với diện tích đất 88,2m^2 nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của Người khởi kiện. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 152/2022/HC-ST ngày 16/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[4]. Án phí hành chính phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Thành Đ, bà Phạm Thị Thúy H1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Bác kháng cáo của ông Nguyễn Thành Đ, bà Phạm Thị Thúy H1. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 152/2022/HC-ST ngày 16/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 75, khoản 1 Điều 79, khoản 2 Điều 80 Luật đất đai năm 2013.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Thành Đ đối với các yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 376/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành Đ (lần đầu).

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ chi phí đầu tư phần diện tích 88,2m^2 đã giao cho ông Lê Văn H2 tương ứng với đơn giá 1.250.000 đồng/m^2 và hỗ trợ cây cối được UBND phường T kiểm kê vào năm 2013 theo quy định của pháp luật cho hộ ông Nguyễn Thành Đ.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Thành Đ đối với các yêu cầu:

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định bồi thường cho hộ ông Nguyễn Thành Đ đối với diện tích 88,2m^2 gắn liền với thửa đất số 153, tờ bản đồ số 5/11 tại xã C, thành phố H theo phương án bồi thường theo giá đất ở của thị trường tại thời điểm cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định bồi thường; hoặc bố trí cho hộ gia đình ông Nguyễn Thành Đ một lô đất có giá trị tương đương với diện tích đất 88,2m^2 (tại địa chỉ: đường N hoặc đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam).

3. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Thành Đ, bà Phạm Thị Thúy H1 phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000548 ngày 25/9/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

4. Án phí hành chính sơ thẩm được thực hiện theo Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 152/2022/HC-ST ngày 16/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến